

Bản án số: 08/2018/LĐ-PT

Ngày: 06- 6 - 2018

V/v đơn phương chấm dứt hợp đồng
lao động



NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Hoàng
Ông Chung Văn Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLPT-LĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 12/2018/LĐ-ST ngày 02/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Toàn – sinh năm 1983 (có mặt). Địa chỉ: Nhà không số, đường Mậu Thân, khóm 6, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Hoàng Bi - sinh năm 1959 (Theo văn bản ủy quyền 20/9/2017) (có mặt). Địa chỉ: Số 196, Trần Hưng Đạo, Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau. Địa chỉ: Số 202 - 204, Quang Trung, Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Ngô Hoàng Vinh – sinh năm 1972 (có mặt); Địa chỉ: Số 45/5B Lâm Thành Mậu, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/6/2018).

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Văn Toàn – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn ông Phan Hoàng Bi trình bày:

Anh Toàn được Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau (gọi tắt là Công ty) ký hợp đồng lao động vào năm 2011. Thời hạn hợp đồng 01 năm. Sau khi hết hợp đồng anh không ký lại hợp đồng nào khác, nhiệm vụ nhân viên ghi thu phòng giao

dịch khách hàng. Mức lương của anh được hưởng trước khi chấm dứt hợp đồng lao động có hệ số 1.11 x 3.320.000đ, lương cơ bản vùng bằng 3.685.200đ; tiền thưởng 368.520đ; tiền nghỉ phép 184.264đ, lương thực lãnh là 4.237.980đ/tháng.

Trong quá làm việc anh không vi phạm quy định, quy chế Công ty. Đến ngày 27/7/2016, Giám đốc Công ty ban hành quyết định số 145/QĐ-CTN về việc chấm dứt hợp đồng lao động và triển khai quyết định ngày 24/8/2016 đối với anh nhưng anh không nhận quyết định vì anh còn đang chờ kết quả giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh Cà Mau.

Việc Công ty đơn phương chấm dứt lao động với anh đã xâm phạm quyền lợi của anh vì không báo trước cho anh trong thời hạn 30 ngày. Tại nghị quyết số 06/HĐQT ngày 17/5/2016 Công ty cho nghỉ việc 29 người nhưng sau đó Công ty đã nhận lại 02 người là trái với nghị quyết. Công ty không xin ý kiến của ủy ban tỉnh, vi phạm khoản 2 Điều 31; Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; điều 39, khoản 3 Điều 44, Điều 208 của Bộ luật lao động.

Từ nội dung trên, anh Toàn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số: 145/QĐ-CN ngày 27/7/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh; Nhận anh trở lại làm việc; Chi trả tiền lương trong thời gian không được làm việc tính từ ngày 27/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm bằng số tiền 47.907.600đ; Chi trả 02 tháng tiền lương theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật lao động bằng 7.370.400 đồng; Tiền ăn giữa ca là 10.200.000đ; Tiền thưởng lễ 30/4/2017 - 01/5/2017 và nghỉ Tết là 4.000.000đ;

Tiền thưởng 4.790.760đ; Tiền lương 15 ngày nghỉ phép năm là 2.763.900đ; Tiền tổn thất tinh thần 33.200.000đ; Chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp 10.000.000đ; Chi phí khác 2.000.000đ;

Tổng cộng là 122.232.660đ. Tại phiên tòa, người đại diện cho anh Toàn vẫn giữ nguyên các khoản yêu cầu nêu trên nhưng yêu cầu được tính đến thời điểm hiện nay với tổng số tiền là 171.298.677 đồng.

- Tiếp tục trả lương và các chế độ khác kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến ngày nhận anh trở lại làm việc tại Công ty.

Đại diện bị đơn trình bày:

Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau hiện nay được cổ phần hoá từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình đô thị Minh Hải.

Năm 2011, Công ty thừa nhận có ký hợp đồng lao động với anh Toàn, thời hạn 01 năm. Hết hạn trên không ký hợp đồng nào khác. Đến ngày 27/7/2016 Công ty ban hành quyết định số 145/QĐ-CT chấm dứt hợp đồng lao động là đúng theo quy định. Do với mô hình là Công ty cổ phần cơ cấu tổ chức còn rườm rà bất hợp lý, lãng phí về con người và chi phí, nên Công ty tiến hành tái cơ cấu tổ chức bộ máy. Việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh Toàn là đúng quy định pháp luật thể hiện trước khi chấm dứt hợp đồng lao động với anh Toàn Công ty có xây dựng phương án sử dụng lao động vào trao đổi với Ban chấp hành công đoàn và báo cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước 30 ngày nên Công ty không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Toàn. Công ty yêu cầu giữ nguyên Quyết định số 145/QĐ-CN ngày 27/7/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 12/2018/LĐ-ST ngày 02/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

- Áp dụng các Điều 44; 46; 47; 49 của Bộ luật lao động;
- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Toàn về việc:

- Hủy Quyết định số: 145/QĐ-CN ngày 27/7/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh; Nhận anh trở lại làm việc; Chi trả tiền lương trong thời gian không được làm việc tính từ ngày 27/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm bằng số tiền 74.367.336đ; Chi trả 02 tháng tiền lương theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật lao động bằng 7.370.400 đồng; Tiền ăn giữa ca là 13.722.400đ; Tiền thưởng lễ 30/4/2017 - 01/5/2017 và nghỉ Tết là 4.000.000đ; Tiền thưởng 7.436.733đ; Tiền lương 15 ngày nghỉ phép năm là 2.512.635đ; Tiền tổn thất tinh thần 33.200.000đ; Chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp 10.000.000đ; Chi phí khác 2.000.000đ; Buộc Công ty nộp tiền Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, số tiền 16.680.173 đồng trong đó: Bảo hiểm xã hội 3.685.200 đồng x 18% = 663.336 đ x 20 tháng 06 ngày = 13.655.720 đồng; Bảo hiểm y tế 3.685.200 đồng x 3% = 110.556 đ x 20 tháng 06 ngày = 2.277.453 đồng; Bảo hiểm thất nghiệp 3.685.200 đồng x 1% = 36.852đ x 20 tháng 06 ngày = 747.000 đồng.

Tổng số tiền là 171.289.677 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 16/4/2018 anh Nguyễn Văn Toàn kháng cáo với nội dung yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận khởi kiện của anh.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của anh Toàn thay đổi bổ sung nội dung kháng cáo, cụ thể yêu cầu được tính tiền lương đến ngày xét xử phúc thẩm và rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu tiền tổn thất tinh thần 33.200.000 đồng; Chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp 10.000.000 đồng; tiền thưởng 7.436.733 đồng; Chi phí khác 2.000.000 đồng.

Nguyên đơn tranh luận: Khi Công ty điều động anh Toàn sang Phòng tổ chức hành chính và cho nghỉ việc nhưng không báo trước cho anh Toàn biết là vi phạm Điều 32 và Điều 38 Bộ luật lao động, Công ty cho người lao động nghỉ việc không xin ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau là vi phạm Điều 48 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (viết tắt Luật số 69), không trao đổi ý kiến với Ban chấp hành Công Đoàn là vi phạm Điều 44, 46 Bộ luật Lao động, Điều 13 Nghị định số 05 của Chính phủ. Tranh chấp của anh Toàn với Công ty là tranh chấp tập thể lao động nên Công ty đã vi phạm Điều 208 Bộ luật lao động.

Phía bị đơn tranh luận: Bị đơn xác định việc Công ty cho anh Toàn thôi việc là căn cứ vào phương án cổ phần hóa, trong phương án này đã quy định sẵn, các trình tự này đã thực hiện đúng theo tinh thần chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và đã được thông qua đại hội đồng cổ đông của Công ty. Do đó, Công ty không vi phạm Điều 48 Luật số 69 và không vi phạm Luật doanh nghiệp, Công ty chấm dứt hợp đồng với anh Toàn thuộc trường hợp đổi cơ cấu tổ chức và sắp xếp lại lao động nhằm tăng hiệu quả hoạt động của Công ty.

Công ty không vi phạm khoản 2 Điều 31, khoản 3 Điều 44 của Bộ luật lao động vì khi thực hiện phương án tái cơ cấu, xây dựng phương án sử dụng lao động đều có Ban chấp hành Công đoàn tham gia và ký tên, đóng dấu của tổ chức Công đoàn và đã báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh đến 70 ngày. Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với anh Toàn không thuộc trường hợp chuyển người lao động làm công việc khác nên không cần phải báo trước nên không vi phạm khoản 2 Điều 31 của Bộ luật lao động. Tranh chấp giữa anh Toàn với Công ty là tranh chấp lao động cá nhân chứ không phải tranh chấp lao động tập thể nên không vi phạm Điều 208 của Bộ luật lao động.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau với nội dung chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn Toàn, hủy quyết định số 145/QĐ-CTN ngày 27/7/2016 của Công ty, buộc Công ty nhận anh Toàn trở lại làm việc, buộc Công ty phải thanh toán chế độ tiền lương, bồi thường cho anh Toàn và đóng các khoản bảo hiểm theo quy định. Không chấp nhận các yêu cầu về tiền ăn giữa ca, tiền thưởng lễ tết, tiền nghỉ phép năm. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu về tiền thưởng; chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; chi phí khác; tiền tổn thất tinh thần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với anh Toàn theo hình thức là “Thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động” theo quy định tại khoản 10 Điều 36 Bộ luật lao động. Để chấm dứt hợp đồng lao động với anh Toàn, Công ty phải thực hiện các trình tự theo quy định tại Điều 44 và Điều 46 Bộ luật lao động và Công ty phải chứng minh được việc thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động.

[2] Vấn đề thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động của Công ty: Tài liệu hồ sơ thể hiện Công ty có tổ chức lại lao động vì trước khi tái cơ cấu tổ chức lại lao động thì Công ty có tổng số lao động là 267 người, sau khi tổ chức lại lao động thì Công ty hoạt động có hiệu quả và chỉ sử dụng số lao động là 240 người, không phát sinh thêm bất cứ bộ phận mới hay người lao động mới nào, chỉ thay đổi tên của các phòng ban và bố trí lại lao động cho phù hợp với điều kiện hoạt động của Công ty. Điều này chứng minh được Công ty có thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động.

[3] Về việc tuân thủ theo quy định tại Điều 44 và 46 Bộ luật lao động thấy rằng: Ngày 09/5/2016 Công ty đã phối hợp với Ban chấp hành công đoàn để trao đổi phương án tái cơ cấu tổ chức bộ máy và bố trí lại lao động, cùng ngày Giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị (HĐQT) thông qua phương án này. Ngày 12/5/2016 HĐQT ban hành Nghị quyết số 05 thông qua phương án. Trong phương án được HĐQT thông qua theo Nghị quyết số 05 tại trang 17 có nội dung: “*Bước*

2: Xây dựng phương án sử dụng lao động. Khi xây dựng phương án sử dụng lao động phải có sự tham gia của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty”.

[4] Theo khoản 3 Điều 44 Bộ luật lao động quy định “Việc cho thôi việc đối với nhiều người lao động theo quy định tại Điều này chỉ được tiến hành sau khi đã trao đổi với tổ chức đại diện tập thể lao động...”, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật lao động quy định “Khi xây dựng phương án sử dụng lao động phải có sự tham gia của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở”.

Xét thời điểm xây dựng phương án tái cơ cấu tổ chức chưa có danh sách của những người bị chấm dứt hợp đồng lao động (ngày 09/5/2016). Tuy nhiên ngày 16/5/2016 HĐQT, Ban điều hành, Trưởng phòng tổ chức làm việc với Trưởng bộ phận, đơn vị trực thuộc chốt lại danh sách người lao động của các bộ phận, đơn vị để xây dựng phương án sử dụng lao động sau khi tái cơ cấu tổ chức bộ máy (BL 111) không có sự tham gia của tổ chức đại diện tập thể lao động. Như vậy, khi xây dựng phương án tái cơ cấu tổ chức bộ máy thì Công ty thực hiện trình tự chặt chẽ là có họp Ban chấp hành Công đoàn vào ngày 09/5/2016 để thông qua phương án. Tuy nhiên đến bước quan trọng là xây dựng phương án sử dụng lao động thì không có tài liệu nào thể hiện là Công ty trao đổi với tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở.

Thực tế khi kết thúc cuộc họp ngày 16/5/2016 (BL 111) thì ngày 17/5/2016 HĐQT đã thông qua Nghị quyết số 06. Trong thời gian này không có tài liệu thể hiện việc trao đổi với Ban chấp hành Công đoàn là không đúng với Nghị quyết số 05 của Công ty và không tuân thủ theo khoản 3 Điều 44, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật lao động.

[5] Mặc dù trong phương án và các danh sách chấm dứt hợp đồng lao động có chữ ký của bà Thẩm và đóng dấu của Ban chấp hành Công đoàn nhưng không có bất cứ biên bản nào thể hiện khi xây dựng phương án sử dụng lao động có sự tham gia của Ban chấp hành công đoàn. Tại biên bản làm việc ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đối với Ban chấp hành công đoàn của Công ty thì những thành viên của Ban chấp hành Công đoàn đều thể hiện quan điểm là khi xây dựng phương án sử dụng lao động, Công ty không mời Ban chấp hành tham gia.

Tại phiên tòa, phía Công ty cho rằng khi họp lãnh đạo và các Trưởng bộ phận phòng ban xong vào ngày 16/5/2016 thì Công ty có đưa danh sách cho bà Thẩm ký tên, việc bà Thẩm ký danh sách chấm dứt hợp đồng lao động là đã thể hiện Công ty có trao đổi với Ban chấp hành Công ty. Như vậy điều này thể hiện là mọi việc do Ban lãnh đạo của Công ty quyết định, việc bà Thẩm ký tên chỉ là hình thức, không thể hiện được ý kiến của Ban chấp hành Công đoàn bảo vệ quyền lợi cho người lao động. Đây là trách nhiệm của Công ty trong việc phối hợp với Ban chấp hành công đoàn nhưng Công ty không thực hiện là vi phạm khoản 5 Điều 192 Bộ luật lao động. Do đó, Công ty chưa thể cho thôi việc đối với nhiều người mà chưa trao đổi với tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở.

[6] Quyết định số 145/QĐ-CTN ngày 27/7/2016 được ban hành không đúng trình tự thủ tục như nhận định nêu trên nên cần chấp nhận kháng cáo của anh Toàn về việc hủy Quyết định này và buộc Công ty phải nhận anh Toàn trở lại làm việc.



Do chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 145/QĐ- CTN ngày 27/7/2016 nên Công ty phải có trách nhiệm vật chất đối với anh Toàn theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động, cụ thể Công ty phải trả cho anh Toàn các khoản sau:

Chi trả tiền lương trong thời gian không được làm việc: Anh Toàn yêu cầu được tính tiền lương từ ngày 28/7/2016 đến ngày xét xử phúc thẩm, mức lương anh yêu cầu theo hợp đồng lao động là 1,11 nhân với mức lương tối thiểu vùng từng thời điểm do Nghị định của Chính phủ ban hành. Phía Công ty chấp nhận yêu cầu này của anh Toàn nếu như Hội đồng xét xử tuyên hủy quyết định của Công ty. Xét yêu cầu của anh Toàn là có cơ sở như nhận định trên nên chấp nhận yêu cầu của anh Toàn buộc Công ty phải chi trả cho anh Toàn số tiền cụ thể:

- Từ ngày 28/7/2016 đến 30/12/2016 là 05 tháng 03 ngày x 1,11 x 3.100.000 = 17.674.000 đồng.

- Từ ngày 01/01/2017 đến 30/12/2017 là 12 tháng x 1,11 x 3.320.000 = 44.222.000 đồng.

- Từ ngày 01/01/2018 đến 06/6/2018 là 05 tháng 06 ngày x 1,11 x 3.530.000đ = 20.659.000 đồng.

Tổng cộng tiền lương: 82.555.000 đồng.

- Buộc Công ty bồi thường cho anh Toàn bằng 02 tháng tiền lương (Tại thời điểm xét xử phúc thẩm theo mức lương cơ bản nhân với mức lương tối thiểu vùng) là 3.530.000 đồng/tháng x 1,11 x 02 tháng = 7.836.000 đồng.

Ngoài ra, Công ty còn phải có nghĩa vụ đóng các khoản bảo hiểm cho anh Toàn từ tháng 28/7/2016 đến ngày xét xử phúc thẩm. Anh Toàn có nghĩa vụ phối hợp với Công ty để đóng các khoản bảo hiểm của người lao động theo quy định của pháp luật.

Đối với tiền ăn giữa ca là 13.722.400đ; Tiền thưởng Lễ 30/4/2017 - 01/5/2017 và nghỉ Tết là 4.000.000 đồng; Tiền thưởng 7.436.733đ. Theo Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/01/2015 có quy định không tính tiền lương là tiền ăn giữa ca, tiền thưởng nên không chấp nhận yêu cầu này của anh Toàn.

Đối với tiền lương 15 ngày nghỉ phép năm = 2.512.635 đồng. Do buộc Công ty nhận anh Toàn trở lại làm việc nên anh Toàn có quyền thỏa thuận với Công ty để được nghỉ phép năm theo quy định, không chấp nhận yêu cầu này của anh Toàn.

Đối với yêu cầu tiền tổn thất tinh thần 33.200.000 đồng; Chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp 10.000.000 đồng; Chi phí khác 2.000.000 đồng, đại diện hợp pháp của anh Toàn đã rút các yêu cầu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tổng cộng các khoản anh Toàn yêu cầu được chấp nhận là 90.391.000 đồng.

Đối với số tiền trợ cấp thôi việc hiện anh Toàn chưa nhận nên không xem xét đối trừ. Công ty tự thực hiện thủ tục để nhận lại số tiền này.

[4] Án phí lao động sơ thẩm, phúc thẩm anh Toàn không phải chịu, quá trình giải quyết anh được miễn dự nộp nên không đặt ra việc hoàn lại. Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án đối với yêu cầu rút một phần kháng cáo của anh Nguyễn Văn Toàn về tiền tổn thất tinh thần 33.200.000 đồng; Chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp 10.000.000 đồng; Chi phí khác 2.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Văn Toàn. Sửa bản án sơ thẩm số 12/2018/LĐ-ST ngày 02/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Căn cứ vào các Điều 22, 31, 36, 42, 44, 46 Bộ luật lao động; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/0/2015 của Chính phủ.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Toàn đối với Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau.

- Hủy Quyết định số 145/QĐ- CTN ngày 27/7/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh Toàn và buộc Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau nhận anh Nguyễn Văn Toàn trở lại làm việc.

- Buộc Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau thanh toán cho anh Nguyễn Văn Toàn tổng số tiền là 90.391.000 đồng (Chín mươi triệu, ba trăm chín mươi một ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 28/7/2016 đến ngày xét xử phúc thẩm. Anh Toàn có nghĩa vụ phối hợp với Công ty để đóng các khoản bảo hiểm của người lao động theo quy định của pháp luật.

Công ty có nghĩa vụ thanh toán tiền lương và các chế độ bảo hiểm khác cho anh Nguyễn Văn Toàn từ ngày xét xử phúc thẩm đến khi nhận anh Nguyễn Văn Toàn trở lại làm việc.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Toàn đối với các khoản sau:

- Tiền ăn giữa ca là 13.722.400 đồng.
- Tiền thưởng Lễ 30/4; 01/5 và nghỉ Tết là 4.000.000 đồng.
- Tiền thưởng 7.436.733 đồng.
- Tiền nghỉ phép năm 2.512.635 đồng.

3. Án phí lao động sơ thẩm, phúc thẩm: Anh Toàn không phải nộp, đã được miễn dự nộp nên không đặt ra việc hoàn lại. Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 2.712.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Hoàng Thị Hải Hà